

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HS-ST
Ngày: 28- 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khanh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Huy Chính
Bà Lê Thùy Vân
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Minh Thắng - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ Lý số: 60/2021/TLST-HS ngày 15/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST - HS ngày 8 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Ngọc D, Sinh ngày: 25/5/1995 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ông Phạm Văn G, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1972; Vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1993; Con: có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 53/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/6/2021; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2021 đến ngày 15/6/2021 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Ngày 28/6/2021 bị cáo bị tạm giam theo Quyết định của Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, thành phố Hà Nội trong vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt).

**Người bị hại:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. (Vắng mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**Người làm chứng:*

+ Chị Mào Thị L, sinh năm 1996. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Bản E, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

+ Ông Phạm Văn G, sinh năm 1973. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phạm Ngọc D, sinh năm 1995, HKTT tại thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang là công nhân và ở tại khu Công nghiệp huyện T, thành phố Hà Nội. Tại đây D quen biết và nảy sinh quan hệ tình cảm yêu đương với chị Mào Thị L, sinh năm 1996, HKTT tại bản E, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên, sinh sống cùng dãy nhà trọ với D.

Ngày 05/4/2021, D thuê anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, HKTT xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên, thuê anh T chở D đi thị xã N, tỉnh Yên Bái để tìm mua chè với giá cước 3.000.000đ. Anh T đồng ý, D hẹn anh T 14 giờ cùng ngày đón D tại bến xe Giáp Bát, thành phố Hà Nội. Sau khi thỏa thuận với anh T xong, D rủ chị Mào Thị L cùng đi mua chè, chị L đồng ý.

Khoảng 14 giờ cùng ngày 05/4/2021, anh T điều khiển xe ô tô tải, loại xe 2,4 tấn, biển số 89C- 151.37 của anh T đến đón D và chị L tại bến xe Giáp Bát, chở D và chị L đi theo đường QL32 qua huyện B, thành phố Hà Nội đến huyện T, tỉnh Phú Thọ rồi đường theo QL32B đi thị xã N, tỉnh Yên Bái. Khoảng 20 giờ cùng ngày, cả ba đến thị xã N, tỉnh Yên Bái rồi dừng nghỉ, cùng nhau ăn cơm tại một quán ăn ở ven đường. Sau khi ăn cơm xong, D hỏi một số người dân để mua chè nhưng do mới đầu xuân, không có đủ hàng để bán nên D không mua được. Khi chuẩn bị về thì D thấy chị L nói chuyện con bị ốm, muốn về thăm con nên D hỏi, thỏa thuận thuê anh T chở D và chị L đi thị xã M, tỉnh Điện Biên với giá cước 3.000.000đ để chị L về nhà thăm con. Anh T đồng ý, tiếp tục dùng xe ô tô tải của anh T chở D và chị L đi huyện Mường Lay, tỉnh Điện Biên. Trên đường đi, D trả trước anh T 500.000đ để anh T mua dầu xe ô tô. Khoảng 06 giờ ngày 06/4/2021, cả ba đến thị xã M, tỉnh Điện Biên, chị L về nhà mình, D cùng anh T đến thuê phòng ngủ tại nhà nghỉ Trúc An của anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1983, HKTT bản Bó, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Khoảng 09h cùng ngày, D và anh T ngủ dậy, do không mua được chè tươi ở thị xã N, tỉnh Yên Bái nên D thuê xe của anh T đi về Công ty chè Phú Bền ở xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để mua chè khô, anh T đồng ý. Khi anh T và D ra cổng nhà nghỉ Trúc An thì chị L cũng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 27X1- 028.45 của chị L đến nhà nghỉ Trúc An, nhờ anh T chở hộ chị L chiếc xe mô tô này về thành phố Hà Nội để sử dụng. Anh T đồng ý, cùng D và chị L nhấc xe mô tô của chị L lên buộc ở thùng sau xe ô tô của anh T. Khi xe của anh T chở D và chị L trên đường quay về đến thành phố L, tỉnh Lai Châu thì D chợt nhớ để quên Chứng minh nhân dân của mình ở nhà nghỉ Trúc An, nên thuê anh T chở D và chị L quay lại nhà nghỉ Trúc An để D lấy Chứng minh nhân dân của D với giá cước xe 3.000.000đ, anh T Đồng ý, tiếp tục điều khiển xe ô tô chở D và chị L quay lại nhà nghỉ Trúc An. Anh T và D thống nhất tổng tiền cước thuê xe cả chuyến đi là 10.000.000đ, D đưa thêm anh T 1.000.000đ để mua dầu xe ô tô. Trên đường đi, D thấy anh T có nhiều điện thoại nên mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 32 GB, cài sim thuê bao số

0867518928 của anh T để nghe nhạc, anh T đọc mật khẩu mở máy điện thoại cho D. Trong khi sử dụng chiếc điện thoại trên, D nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại này của anh T. D nghe nhạc khoảng 15 phút sau thì trả lại điện thoại cho anh T. Khi đến thị xã M, tỉnh Điện Biên, D vào nhà nghỉ Trúc An lấy Chứng minh nhân dân rồi lên xe của anh T cùng chị L tiếp tục quay về xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để D mua chè khô của Công ty chè Phú Bền. Khi đến trạm kiểm soát vé đường Cao tốc Lào Cai đi Hà Nội thuộc Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, D đưa anh T 200.000đ để anh T trả tiền phí đi đường Cao tốc. Khoảng 04 giờ cùng ngày, anh T chở D và chị L về đến cổng Công ty chè Phú Bền thuộc khu Phố, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Anh T dừng xe, đỗ ở ven đường QL70B sát cổng Công ty chè. Do trước đó D đã nảy sinh trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của anh T nên khi anh T vừa dừng xe thì D bảo chị L lấy xe mô tô để đi mua chè, D nhờ anh T nhắc hộ chị L chiếc xe mô tô trên thùng xe xuống để lợi dụng anh T sơ hở, D trộm cắp điện thoại Iphone 7 Plus của anh T. Anh T cùng chị L dắt xe mô tô của chị L từ trên thùng xe xuống đất. D ngồi trong ca bin xe ô tô trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của anh T trên ca bin xe ô tô, nhập mật khẩu, mở khóa điện thoại, tắt nguồn điện thoại, đút vào túi quần bên trái của D rồi mở cửa xe ô tô bước xuống đất. Sau đó, D nói với anh T chờ ở xe ô tô còn D và Chị L đi xem mua chè, sau đó D điều khiển xe mô tô biển số 27X1- 028.45 chở chị L về nhà trọ của D ở huyện T Thất, thành phố Hà Nội.

Về phía anh T, sau khi D và chị L rời đi, anh T nằm ngủ trong cabin xe mô tô của mình, đến khoảng 04h30 phút cùng ngày tỉnh dậy phát hiện điện thoại di động Iphone 7Plus cài sim thuê bao số 0867518928 đã bị trộm cắp nên lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 cài sim số 0976923823 của anh T, gọi điện vào số điện thoại 0392190160 của D và số thuê bao số 0867518928 cài trong chiếc điện thoại Iphone 7 Plus bị trộm cắp của anh T nhưng đều không liên lạc được. Anh T biết D trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 7Plus của mình nên đến Công huyện Đ, tỉnh Phú Thọ trình báo.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, sau khi trình báo với Công an huyện Đ, anh T điều khiển xe ô tô của mình đến nhà của D ở thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang tìm D nhưng không gặp D mà gặp bố đẻ D là ông Phạm Văn G, sinh năm 1973, ở cùng nhà với D. Anh T nói cho ông G biết việc D trộm cắp điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của mình. ông G bảo anh T để lại số điện thoại của anh T để ông Gliên hệ với D, nếu nhận được điện thoại do D gửi trả thì sẽ liên hệ với anh T để trả lại. Sau đó ông G gọi điện thoại cho D nói về việc anh T đến đòi chiếc điện thoại di động. Sau khi nghe điện thoại xong, khoảng 14 giờ cùng ngày, D đón xe ô tô khách về nhà đưa ông G chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus trộm cắp của anh T và nhờ ông G trả lại cho anh T hộ mình rồi đón xe ô tô khách quay lại thành phố Hà Nội. Sau đó, ông G gọi điện thoại cho anh T bảo anh T đến nhà ông G để nhận lại điện thoại, khoảng 15 giờ ngày 08/4/2021, anh T đến nhà ông Giang, ông G trả cho anh T chiếc điện thoại di động, sau khi kiểm tra lại chiếc điện thoại, anh T xác định đúng điện thoại của mình, đã nhận lại và không có đề nghị gì khác.

Ngày 15/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã có Văn bản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Đ định giá chiếc Iphone 7Plus, dung lượng 32 GB mà D đã trộm cắp. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32 ngày 16/4/2021, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ đã kết luận trị giá chiếc điện thoại Iphone 7Plus, dung lượng 32 GB trên là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hành vi trộm cắp chiếc điện thoại nêu trên của Phạm Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, ngày 17/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Phạm Ngọc D về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, Phạm Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, lời khai của D phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSĐH ngày 14/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo: Phạm Ngọc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: khoản 1 điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo: Phạm Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D từ 9 tháng đến 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù của bản án số 53/2021/HSST ngày 27/9/2021 của Tòa án huyện Q. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 30 tháng đến 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 28/6/2021. Nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 17/4/2021 đến ngày 15/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Anh Nguyễn Văn T đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 7 Plus và không có yêu cầu, đề nghị gì. Đối với số tiền cược D thuê anh T đi chở hàng theo thỏa thuận là 10.000.000đ, D đã trả trước 1.700.000đ, còn lại 8.300.000đ, anh T không yêu cầu D phải trả số tiền này.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra không ai có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại toà án và tại phiên toà, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử nhận định các hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo D đã khai nhận hành vi, vi phạm pháp luật của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 4 giờ ngày 05/4/2021, tại khu Phố, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, Phạm Ngọc D lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus trị giá 4.500.000đ của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Ngọc D phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự công cộng.

Vì vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng truy tố bị cáo Phạm Ngọc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo đã nhờ bố để bị cáo trả lại tài sản trộm cắp được cho bị hại. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên cần xem xét cho bị cáo mức hình phạt từ 9 đến 12 tháng tù là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự là phạt tiền đối với bị cáo thấy rằng: Qua xác minh bị cáo sống cùng gia đình, không có tài sản riêng gì giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 7 Plus và không có yêu cầu, đề nghị gì. Đối với số tiền cước D thuê anh T đi chờ hàng theo thỏa thuận là 10.000.000đ, D đã trả trước 1.700.000đ, còn lại 8.300.000đ, anh T không yêu cầu D phải trả số tiền này, là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Đối với ông Phạm Văn G đã nhận chiếc điện thoại Iphone 7Plus do D đưa với mục đích trả lại cho anh T. Đối với chị Mào Thị L được D rủ đi mua chè, chị L không biết, không được hưởng lợi ích gì từ việc D trộm cắp điện thoại di động của

anh T. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý ông G và chị L về tội “ Trộm cắp tài sản”, tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điều 173 và điều 323 Bộ luật hình sự là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[9] Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù của bản án số 53/2021/HSST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 28/6/2021. Nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 17/4/2021 đến ngày 15/6/2021.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, và không yêu cầu bị cáo D phải trả số tiền cước thuê xe còn lại 8.300.000đ.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Ngọc D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm . Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ;
- VKS ND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA; VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Khanh